

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 04/SAVINA/CV/2019

V/v: Công bố thông tin BCTC Quý 4/2018

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2019

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Sách Việt Nam
2. Mã chứng khoán : VNB
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 44 Tràng Tiền, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
4. Điện thoại: (024) 3.9348790 Fax: (024) 3.9341591
5. Người thực hiện công bố thông tin: Cao Tiên Bình
6. Loại thông tin công bố: Định kỳ
7. Nội dung của thông tin công bố: Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2018

Địa chỉ website đăng tải toàn bộ BCTC: <http://www.savina.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết toàn bộ thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
NGƯỜI ĐƯỢC UQCBT



CAO TIÊN BÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 05/SAVINA/CV/2018

V/v: Giải trình chênh lệch BCTC Quý 4/2018

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2019

Kính gửi:

**Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Sách Việt Nam
2. Mã chứng khoán : VNB
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 44 Tràng Tiền, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
4. Điện thoại: (024) 3.9348790 Fax: (024) 3.9341591
5. Người thực hiện công bố thông tin: Cao Tiến Bình
6. Loại thông tin công bố: Định kỳ
7. Nội dung của thông tin công bố:
 - Giải trình chênh lệch Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước: Xem Bản giải trình biến động Kết quả Kinh doanh Báo cáo Tài chính Quý 4/2018 dưới đây.
8. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ BCTC: <http://www.savina.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết toàn bộ thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
NGƯỜI ĐƯỢC UOQBTT**


CAO TIẾN BÌNH

**BẢN GIẢI TRÌNH BIẾN ĐỘNG KẾT QUẢ KINH DOANH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2018**

Mã số	Chỉ tiêu	Quý 4 năm 2018	Quý 4 năm 2017	Chênh lệch	Tỷ lệ % chênh lệch
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.307.484.869	10.302.360.134	1.005.124.735	10%
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu				
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	11.307.484.869	10.302.360.134	1.005.124.735	10%
11	4. Giá vốn hàng bán	7.934.263.632	10.426.520.072	(2.492.256.440)	-24%
20	5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	3.373.221.237	(124.159.938)	3.497.381.175	3.017%
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	15.738.521.065	11.013.985.648	4.724.535.417	43%
22	7. Chi phí tài chính	16.710.367	7.098.802	9.611.565	135%
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay				
25	8. Chi phí bán hàng	2.054.796.043	1.710.264.374	344.531.669	20%
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.319.313.130	1.840.683.894	3.478.629.236	189%
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	11.720.922.762	7.331.778.640	4.389.144.122	60%
31	11. Thu nhập khác	37.834.694	260.648.826	(222.814.132)	-85%
32	12. Chi phí khác				
40	13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	37.834.694	260.648.826	(222.814.132)	-85%
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	11.758.757.456	7.592.427.466	4.166.329.990	55%
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.383.237.368		2.383.237.368	
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại				
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	9.375.520.088	7.592.427.466	1.783.092.622	23%

Giải trình nguyên nhân biến động trong trường hợp KQKD giữa hai kỳ báo cáo biến động từ 10% trở lên

Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế Q4 năm 2018 là: 9.376 triệu đồng; tăng 23% so với cùng kỳ năm 2017. Nguyên nhân là do:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 1.005 triệu đồng, giá vốn giảm 2.492 triệu đồng nên lợi nhuận gộp tăng 3.497 triệu, tương đương 3.017%.
- Doanh thu hoạt động tài chính tăng 4.725 triệu đồng, tương đương 43%.
- Chi phí bán hàng, chi phí quản lý tăng 3.823 triệu đồng, tương đương 108%.
- Chi phí thuế TNDN tăng 2.383 triệu đồng do Q4 năm 2017 không phải nộp thuế TNDN, được chuyển lỗ.



CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VIỆT NAM

Báo cáo tài chính

Quý 4 năm 2018

///
M
///

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	2
Báo cáo của Ban giám đốc	3
Bảng cân đối kế toán	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6 - 7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 - 25

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100109829 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 27 tháng 04 năm 2016; thay đổi lần thứ 3 vào ngày 23 tháng 05 năm 2018.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của công ty là kinh doanh sách và văn hóa phẩm, cho thuê văn phòng.

Công ty có trụ sở chính tại: Số 44, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Thăng Long	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Tuấn	Thành viên
Bà Mai Hương Nội	Thành viên
Bà Nguyễn Mai Hoa	Thành viên
Bà Vũ Thị Hồng Xiêm	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Bà Nguyễn Thị Mai	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Lan Anh	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo như sau:

Ông Cao Tiến Bình	Tổng Giám đốc - Bổ nhiệm ngày 17/05/2018
Ông Nguyễn Trọng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc - Bổ nhiệm ngày 06/05/2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty vào ngày lập báo cáo này là ông Cao Tiến Bình.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn tài chính 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Cao Tiên Bình
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 18 tháng 01 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2018	Ngày 01 tháng 01 năm 2018
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		740.057.354.737	710.916.681.887
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	1.155.196.184	88.213.533.589
111	1. Tiền		1.155.196.184	77.713.533.589
112	2. Các khoản tương đương tiền			10.500.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	V.2	126.000.000.000	53.500.000.000
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2.1	126.000.000.000	53.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	V.3	603.632.040.887	561.871.164.948
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3.1	6.417.411.264	7.198.716.341
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3.2	449.074.934	680.687.091
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.3.3	550.000.000.000	550.000.000.000
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.3.4	46.765.554.689	3.991.761.516
140	IV. Hàng tồn kho	V.4	9.270.117.666	7.331.983.350
141	1. Hàng tồn kho		9.270.117.666	7.331.983.350
150	V. Tài sản ngắn hạn khác			
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		35.352.038.063	37.582.022.143
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		135.000.000	135.000.000
216	6. Phải thu dài hạn khác		135.000.000	135.000.000
220	II. Tài sản cố định	V.5	8.085.146.577	9.038.294.055
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.5.1	7.951.410.080	8.858.264.162
222	- Nguyên giá		21.150.060.896	18.833.099.502
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(13.198.650.816)	(9.974.835.340)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.5.2	133.736.497	180.029.893
228	- Nguyên giá		231.467.000	231.467.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(97.730.503)	(51.437.107)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.6	11.154.171.491	12.542.839.054
231	- Nguyên giá		30.568.731.091	32.885.692.485
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(19.414.559.600)	(20.342.853.431)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	V.7	6.000.000.000	6.000.000.000
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		6.000.000.000	6.000.000.000
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.2.2	9.427.342.680	9.427.342.680
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		3.272.500.000	3.272.500.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		15.340.360.000	15.340.360.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		(9.185.517.320)	(9.185.517.320)
260	VI. Tài sản dài hạn khác	V.8	550.377.315	438.546.354
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		550.377.315	438.546.354
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		775.409.392.800	748.498.704.030

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
 Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2018	Ngày 01 tháng 01 năm 2018
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		17.018.583.637	22.732.163.293
310	I. Nợ ngắn hạn	V.9	16.525.383.637	22.156.943.293
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.9.1	8.351.472.562	9.546.131.450
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.9.2		598.180.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	V.9.3	3.977.016.700	111.705.501
314	4. Phải trả người lao động	V.9.4	968.639.679	702.951.997
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.9.5	119.400.000	135.600.000
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.9.6	712.313.814	592.025.038
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.9.7	2.396.540.882	10.470.349.307
330	II. Nợ dài hạn	V.10	493.200.000	575.220.000
337	7. Phải trả dài hạn khác		493.200.000	575.220.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		758.390.809.163	725.766.540.737
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.11	758.390.809.163	725.766.540.737
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		679.099.600.000	679.099.600.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		679.099.600.000	679.099.600.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		71.821.151.584	71.821.151.584
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)		(117.700.000)	
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		7.587.757.579	(25.154.210.847)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(25.154.210.847)	(25.154.210.847)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		32.741.968.426	
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)		775.409.392.800	748.498.704.030

(Signature)

(Signature)



Nguyễn Thị Minh
 Người lập
 Ngày 18 tháng 01 năm 2019

Đặng Xuân Ánh
 Kế toán trưởng

Cao Tiến Bình
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý IV năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý IV năm 2018	Quý IV năm 2017	Lũy kế 12 tháng năm 2018	Lũy kế 12 tháng năm 2017
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		11.307.484.869	10.302.360.134	36.851.735.287	31.191.101.491
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu					
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	VI.1	11.307.484.869	10.302.360.134	36.851.735.287	31.191.101.491
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	7.934.263.632	10.426.520.072	24.844.290.783	25.567.427.151
20	5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		3.373.221.237	(124.159.938)	12.007.444.504	5.623.674.340
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	15.738.521.065	11.013.985.648	53.492.028.557	42.274.645.699
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	16.710.367	7.098.802	38.279.029	33.251.314
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay					
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	2.054.796.043	1.710.264.374	6.254.054.925	6.086.319.318
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	5.319.313.130	1.840.683.894	20.082.013.067	15.155.795.329
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}		11.720.922.762	7.331.778.640	39.125.126.040	26.622.954.078
31	11. Thu nhập khác	VI.7	37.834.694	260.648.826	123.945.327	681.537.397
32	12. Chi phí khác					
40	13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		37.834.694	260.648.826	123.945.327	681.537.397

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)

Quý IV năm 2018

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý IV năm 2018	Quý IV năm 2017	Lũy kế 12 tháng năm 2018	Lũy kế 12 tháng năm 2017
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		11.758.757.456	7.592.427.466	39.249.071.367	27.304.491.475
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.8	2.383.237.368		6.507.102.941	
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại					
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)		9.375.520.088	7.592.427.466	32.741.968.426	27.304.491.475
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	VI.9	138	112	482	402
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)		138	112	482	402



Nguyễn Thị Minh

Người lập

Ngày 18 tháng 01 năm 2019

Đặng Xuân Ánh

Kế toán trưởng

Cao Tiến Bình

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	Lợi nhuận trước thuế		39.249.071.367	27.304.491.475
	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
02	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		2.341.815.041	2.371.649.549
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(53.461.014.054)	(42.273.585.988)
08	Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(11.870.127.646)	(12.597.444.964)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		1.085.634.851	(1.855.846.204)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(1.938.134.316)	(2.760.202.450)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(9.541.312.365)	(40.458.377.038)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(111.830.961)	(62.199.539)
15	- Thuế TNDN đã nộp		(2.679.370.232)	(1.563.528.265)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(25.055.140.669)	(59.297.598.460)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác		-	(1.500.000.000)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(688.000.000.000)	(603.500.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		615.500.000.000	612.000.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		10.614.503.264	40.914.894.043
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(61.885.496.736)	47.914.894.043
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
32	Tiền chi từ mua lại cổ phiếu		(117.700.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(117.700.000)	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)		(87.058.337.405)	(11.382.704.417)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		88.213.533.589	99.596.238.006
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)		1.155.196.184	88.213.533.589

Nguyễn Thị Minh
Người lập
Ngày 18 tháng 01 năm 2019

Đặng Xuân Ánh
Kế toán trưởng

Cao Tiên Bình
Tổng Giám đốc



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Thông tin doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100109829 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 27 tháng 4 năm 2016; thay đổi lần thứ 3 ngày 23 tháng 05 năm 2018.

Hoạt động chính của Công ty là: Kinh doanh sách và văn hóa phẩm, cho thuê văn phòng.

Công ty có trụ sở chính tại: Số 44, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2018 là: 60 người (ngày 31/12/2017: 63 người).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (VNĐ).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh

(Tiếp theo)

doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Công ty lập báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Công ty bao gồm sách, văn hóa phẩm, nguyên vật liệu ...

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Theo giá gốc.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Bình quân gia quyền

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời ...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

5. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

6. Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc	26 - 39	năm
Các công trình kiến trúc khác	10 - 20	năm
Máy móc và thiết bị	5 - 19	năm
Phương tiện vận tải	5 - 12	năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 8	năm
Phần mềm máy tính	5	năm
Bản quyền	4 - 8	năm

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và khấu trừ bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản.

Nhà cửa	26 - 39	năm
Máy móc, thiết bị	5 - 19	năm

Tài sản cố định hữu hình chuyển sang bất động sản đầu tư theo Thông tư số 147/2016/TT-BTC ban hành ngày 13/10/2016. Tỷ lệ phân bổ theo diện tích cho thuê trên tổng diện tích.

8. Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc.

9. Các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 26 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính của doanh nghiệp trong kỳ.

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

11. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

12. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cụ thể như sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

(Tiếp theo)

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

13. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

14. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế và doanh thu có thể xác định được giá trị một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán sách và văn hóa phẩm

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu kinh doanh sách, văn hóa phẩm và lịch Bloc, doanh thu dịch vụ cho thuê nhà, doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng và cổ tức được chia.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cho thuê bất động sản

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là doanh thu khi quyền lợi được nhận cổ tức của Công ty với tư cách là nhà đầu tư được xác lập.

15. Thuế***Thuế thu nhập hiện hành***

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

(Tiếp theo)

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018	01/01/2018
Tiền mặt	4.880.507	79.447.947
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (*)	1.150.315.677	77.634.085.642
Các khoản tương đương tiền	-	10.500.000.000
Tổng	1.155.196.184	88.213.533.589

(*) Số dư đầu kỳ chủ yếu là khoản tiền thu được từ việc bán cổ phần trong tài khoản phong tỏa. Công ty đã nhận được Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp tại thời điểm chính thức trở thành công ty cổ phần, số tiền thuộc tài khoản phong tỏa này đã chuyển sang tiền gửi có kỳ hạn.

2. Đầu tư tài chính

2.1 - Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá đánh giá lại	Giá gốc	Giá đánh giá lại
Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng	126.000.000.000	126.000.000.000	53.500.000.000	53.500.000.000
Tổng	126.000.000.000	126.000.000.000	53.500.000.000	53.500.000.000

2.2 - Đầu tư tài chính dài hạn

a - Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2018	01/01/2018
Công ty cổ phần in Sách Việt Nam		
- Giá gốc khoản đầu tư	3.272.500.000	3.272.500.000
- Dự phòng	-	-
- Giá trị hợp lý	3.272.500.000	3.272.500.000

b - Đầu tư vào đơn vị khác

	31/12/2018	01/01/2018
Công ty liên doanh TNHH Kim Ngọc		
- Giá gốc khoản đầu tư	15.340.360.000	15.340.360.000
- Dự phòng	(9.185.517.320)	(9.185.517.320)
- Giá trị hợp lý	6.154.842.680	6.154.842.680
Tổng	9.427.342.680	9.427.342.680

3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
3.1 - Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Phải thu của khách hàng	6.417.411.264	7.198.716.341
Trong đó:		
<i>Công ty cổ phần in Sách Việt Nam</i>	3.919.257.210	4.496.352.699
<i>Các đối tượng khác</i>	2.498.154.054	2.702.363.642
Tổng	6.417.411.264	7.198.716.341

	31/12/2018	01/01/2018
3.2 - Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Trả trước ngắn hạn cho người bán	449.074.934	680.687.091
Trong đó		
<i>Bản quyền sách Almanach</i>	413.333.333	675.687.091
<i>Các đối tượng khác</i>	35.741.604	5.000.000
Tổng	449.074.934	680.687.091

3.3 - Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá đánh giá lại	Giá gốc	Giá đánh giá lại
Phải thu về cho vay ngắn hạn (*)	550.000.000.000	550.000.000.000	550.000.000.000	550.000.000.000
Tổng	550.000.000.000	550.000.000.000	550.000.000.000	550.000.000.000

(*) Đây là khoản cho một doanh nghiệp vay theo hợp đồng số 01/2018/HĐCV/SAVINA-VIETAN thời hạn cho vay 01 năm từ ngày 17/01/2018 đến ngày 17/01/2019 với lãi suất 9%/năm.

	31/12/2018	01/01/2018
3.4 - Phải thu ngắn hạn khác		
Tạm ứng cho nhân viên	11.631.400	63.455.155
Phải thu ngắn hạn khác	46.753.923.289	3.928.306.361
- <i>Phải thu khác</i>	-	20.893.862
- <i>Phải thu lãi cho vay</i>	44.843.835.614	-
- <i>Phải thu lãi tiền gửi</i>	1.910.087.675	3.907.412.499
Tổng	46.765.554.689	3.991.761.516

4. Hàng tồn kho

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá đánh giá lại	Giá gốc	Giá đánh giá lại
Nguyên liệu, vật liệu	270.545.844	270.545.844	-	-
Thành phẩm	325.175.233	325.175.233	-	-
Hàng hóa	8.548.658.916	8.548.658.916	7.331.983.350	7.331.983.350
Hàng gửi bán	125.737.673	125.737.673	-	-
Tổng	9.270.117.666	9.270.117.666	7.331.983.350	7.331.983.350

5. Tài sản cố định

5.1 - Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số đầu kỳ	14.800.560.239	913.524.181	3.119.015.082	18.833.099.502
Tăng/giảm trong kỳ	2.316.961.394			2.316.961.394
Số cuối kỳ	17.117.521.633	913.524.181	3.119.015.082	21.150.060.896
Giá trị hao mòn				-
Số đầu kỳ	6.565.982.857	679.409.666	2.729.442.817	9.974.835.340
KH trong kỳ	786.349.106	65.869.860	141.832.477	994.051.443
Tăng/giảm trong kỳ	2.229.764.033			2.229.764.033
Số cuối kỳ	9.582.095.996	745.279.526	2.871.275.294	13.198.650.816
Giá trị còn lại				-
Số đầu kỳ	8.234.577.382	234.114.515	389.572.265	8.858.264.162
Số cuối kỳ	7.535.425.637	168.244.655	247.739.788	7.951.410.080

5.2 – Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Nguyên giá	
Số đầu kỳ	231.467.000
Số cuối kỳ	231.467.000
Giá trị hao mòn trong kỳ	
Số đầu kỳ	51.437.107
Hao mòn trong kỳ	46.293.396
Số cuối kỳ	<u>97.730.503</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu kỳ	180.029.893
Số cuối kỳ	133.736.497

6. Bất động sản đầu tư

Khoản mục	Nhà cửa	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số đầu kỳ	29.564.429.606		3.321.262.879	32.885.692.485
Tăng/giảm trong kỳ	(2.316.961.394)			(2.316.961.394)
Số cuối kỳ	27.247.468.212	-	3.321.262.879	30.568.731.091
Giá trị hao mòn				
Số đầu kỳ	17.453.154.801	-	2.889.698.630	20.342.853.431
KH trong kỳ	1.153.803.198	-	147.667.004	1.301.470.202
Tăng/giảm trong kỳ	(2.229.764.033)			(2.229.764.033)
Số cuối kỳ	16.377.193.966	-	3.037.365.634	19.414.559.600
Giá trị còn lại				
Số đầu kỳ	12.111.274.805	-	431.564.249	12.542.839.054
Số cuối kỳ	10.870.274.246	-	283.897.245	11.154.171.491

7. Tài sản dở dang dài hạn

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Giải phóng mặt bằng	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
Tổng	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000

8. Tài sản dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	347.748.307	218.416.652
Chi phí sửa chữa	128.891.495	220.129.702
Chi phí trả trước dài hạn khác	73.737.513	-
Tổng	550.377.315	438.546.354

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 44 Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

B09-DN**9. Nợ ngắn hạn**

9.1 – Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	8.351.472.562	8.351.472.562	9.546.131.450	9.546.131.450
Trong đó				
- Công ty TNHH In và thương mại Ba Sao	2.707.870	2.707.870	1.056.110.020	1.056.110.020
- Công ty TNHH thương mại Nhất Thống	471.900.000	471.900.000	814.964.736	814.964.736
- NXB Cambridge (Anh)	1.057.607.661	1.057.607.661	501.302.075	501.302.075
Các đối tượng khác	6.819.257.031	6.819.257.031	7.173.754.619	7.173.754.619
Tổng	8.351.472.562	8.351.472.562	9.546.131.450	9.546.131.450

9.2 - Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Người mua trả tiền trước	-	598.180.000
Tổng	-	598.180.000

9.3 – Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Tình hình thực hiện nghĩa vụ Thuế và các khoản nộp Ngân sách Nhà nước trong kỳ như sau

	31/12/2018	Số phải nộp	Số đã nộp	01/01/2018
Thuế TNDN	3.827.732.709	6.507.102.941	2.679.370.232	-
Thuế thu nhập cá nhân	61.760.627	222.188.592	225.425.934	64.997.969
Thuế GTGT phải nộp	87.523.364	501.677.644	460.861.812	46.707.532
Thuế nhập khẩu	-	4.430.214	4.430.214	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	248.883.258	248.883.258	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế, phí khác	-	2.447.259	2.447.259	-
Tổng	3.977.016.700	7.489.729.908	3.624.418.709	111.705.501

9.4 - Phải trả người lao động

	31/12/2018	01/01/2018
Phải trả người lao động	968.639.679	702.951.997
Tổng	968.639.679	702.951.997

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 44 Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

B09-DN**9.5 - Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2018	01/01/2018
Chi phí trích trước	119.400.000	135.600.000
Tổng	119.400.000	135.600.000

9.6 - Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2018	01/01/2018
Doanh thu hoãn lại, chưa thực hiện	712.313.814	592.025.038
Tổng	712.313.814	592.025.038

9.7 - Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2018	01/01/2018
Phải trả nhà nước về cổ phần hóa	-	7.646.389.847
Phải trả ngắn hạn khác	64.220.882	483.959.460
Đặt cọc ngắn hạn	2.332.320.000	2.340.000.000
Tổng	2.396.540.882	10.470.349.307

10. Nợ dài hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Phải trả dài hạn khác	493.200.000	575.220.000
Đặt cọc thuê văn phòng, quầy hàng	-	-
Tổng	493.200.000	575.220.000

11. Vốn chủ sở hữu*a - Bảng đối chiếu vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư đầu kỳ	679.099.600.000	71.821.151.584	-	(25.154.210.847)	725.766.540.737
Lãi trong năm huy	-	-	-	32.741.968.426	32.741.968.426
Tăng/ giảm khác			(117.700.000)		(117.700.000)
Số dư cuối kỳ	679.099.600.000	71.821.151.584	(117.700.000)	7.587.757.579	758.390.809.163

b - Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2018	01/01/2018
Cổ đông nhà nước - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	67.909.960.000	67.909.960.000
Tập đoàn Vingroup - Công ty cổ phần	443.642.740.000	443.642.740.000
Cổ đông khác	167.546.900.000	167.546.900.000
	679.099.600.000	679.099.600.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Quý IV/ 2018	Quý IV/ 2017
Doanh thu bán hàng sách và văn hóa phẩm	8.343.800.053	7.429.198.185
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.963.684.816	2.873.161.949
Tổng	11.307.484.869	10.302.360.134
2. Giá vốn hàng bán	Quý IV/ 2018	Quý IV/ 2017
Giá vốn của hàng bán sách và văn hóa phẩm	6.653.679.712	5.897.331.773
Giá vốn của cung cấp dịch vụ	1.280.583.920	4.529.188.299
	7.934.263.632	10.426.520.072
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Quý IV/ 2018	Quý IV/ 2017
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.397.502	1.059.711
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.872.109.865	2.579.592.603
Lãi cho vay	13.863.013.698	8.433.333.334
Tổng	15.738.521.065	11.013.985.648
4. Chi phí tài chính	Quý IV/ 2018	Quý IV/ 2017
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	16.710.367	7.098.802
Tổng	16.710.367	7.098.802
5. Chi phí bán hàng	Quý IV/ 2018	Quý IV/ 2017
Chi phí nhân viên	1.465.123.706	1.622.068.238
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	20.207.925	(92.866.180)
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	587.167
Chi phí bảo hành	50.189.614	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	452.210.298	125.669.380
Chi phí bằng tiền khác	67.064.500	54.805.769
Tổng	2.054.796.043	1.710.264.374

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Quý IV/ 2018	Quý IV/ 2017
Chi phí nhân viên quản lý	1.483.908.586	1.333.140.721
Chi phí đồ dùng văn phòng	32.260.266	67.879.973
Chi phí khấu hao TSCĐ	252.674.793	(967.377.622)
Thuế, phí và lệ phí	201.668.933	14.889.116
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.319.948.052	1.206.394.706
Chi phí bằng tiền khác	28.852.500	185.757.000
Tổng	5.319.313.130	1.840.683.894

7. Thu nhập khác	Quý IV/ 2018	Quý IV/ 2017
Thu nhập từ vi phạm hợp đồng	-	228.181.818
Thu nhập khác	37.834.694	32.467.008
Tổng	37.834.694	260.648.826

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Quý IV/ 2018	Quý IV/ 2017
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.383.237.368	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.383.237.368	-

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ

	Quý IV/ 2018	Quý IV/ 2017
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	9.375.520.088	7.592.427.466
<i>Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</i>		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	9.375.520.088	7.592.427.466
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	67.909.960	67.909.960
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	138	112

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ với các bên liên quan

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho giai đoạn tài chính 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	Cho giai đoạn tài chính 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam	Công ty liên kết	Doanh thu cho thuê nhà	2.410.293.468	2.268.387.300
		Tiền thuê đã thu	3.121.987.725	2.002.488.390
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sinh Thái	Công ty cùng tập đoàn	Doanh thu cho vay	-	23.436.000.001
		Lãi cho vay đã thu	-	25.652.666.668
Công ty TNHH Một thành viên Vinschool	Công ty cùng Tập đoàn	Doanh thu bán sách	2.712.108.060	2.487.651.955
		Tiền đã thu	2.939.183.605	2.261.160.994

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan theo mức giá thỏa thuận theo đàm phán hợp đồng.

Ngoại trừ khoản cho bên liên quan vay, số dư các khoản phải thu, phải trả thương mại với các bên liên quan tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 31 tháng 12 năm 2018	Ngày 01 tháng 01 năm 2018
Phải thu khách hàng				
Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam	Công ty liên kết	Phải thu tiền cho thuê nhà	3.919.257.210	4.496.352.699
Công ty TNHH MTV Vinschool	Công ty cùng Tập đoàn	Phải thu tiền bán sách	-	227.075.545
			3.972.100.660	4.812.484.244
Phải trả khách hàng				
Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam	Công ty liên kết	Phải trả tiền in sách	52.843.450	89.056.000
			52.843.450	89.056.000

2. Các cam kết và các khoản nợ tiềm tàng

Rủi ro liên quan đến các hợp đồng thuê đất của Công ty

Công ty hiện đang sử dụng các lô đất và tài sản trên đất tại 22A và 22B Hai Bà Trưng, 50A Hàng Bài (đều ở thành phố Hà Nội) làm cơ sở để kinh doanh và để cho thuê văn phòng. Tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, các hợp đồng thuê nhà và hợp đồng thuê đất nêu trên đã hết hạn, và Công ty đang thực hiện việc gia hạn các hợp đồng với các cơ quan quản lý Nhà nước.

Ngoài ra, Công ty cũng được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao hai khu đất tại huyện Đông Anh và phố Chùa Hà, Thành phố Hà Nội. Theo chủ trương cổ phần hóa của Nhà nước, Công ty tiếp tục sử dụng hai khu đất này cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty vẫn chưa ký hợp đồng thuê đất với cơ quan quản lý Nhà nước cho hai khu đất này.

Các khoản nợ tiềm tàng liên quan đến khoản đầu tư vào Công ty Liên doanh TNHH Kim Ngọc

Theo Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 524/GCNDĐC3/01/1 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày ngày 8 tháng 2 năm 1993, Công ty là một bên liên doanh tham gia vào Công ty Liên doanh TNHH Kim Ngọc. Theo Điều 1 của Giấy chứng nhận đầu tư này, phần vốn góp của phía Việt Nam là 1.040.000 USD. Tuy nhiên, do đây là phần vốn góp liên doanh mà Công ty được kế thừa lại từ Công ty Khách sạn và Dịch vụ Văn hóa (một doanh nghiệp Nhà nước nay đã giải thể), Công ty không thể xác định liệu Công ty Khách sạn và Dịch vụ Văn hóa đã hoàn thành các nghĩa vụ về tiền sử dụng đất liên quan đến lô đất được sử dụng để góp vốn liên doanh nêu trên hay chưa, và liệu Công ty có phải chịu các nghĩa vụ về tiền sử dụng đất liên quan đến lô đất này trong trường hợp Công ty Khách sạn và Dịch vụ Văn hóa chưa hoàn thành nghĩa vụ về tiền sử dụng đất hay không.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Nguyễn Thị Minh
Người lập
Ngày 18 tháng 01 năm 2019



Đặng Xuân Ánh
Kế toán trưởng



Cao Tiến Bình
Tổng Giám đốc